

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2025

“Về việc tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí .

2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 450/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Trương Hoàng C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, tỉnh Tây Ninh.

(Bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên bà Mai Thị N và ông Trương Hoàng C đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn số 90/05 quyển số 01 ngày 08/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh).

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nay là xã H, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, bà đã nhiều lần khuyên , mong ông C thay đổi để cùng bà lo cho các con, nhưng không có kết quả, nên vợ chồng đã không còn sống với nhau từ đầu năm 2017 đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Bà thấy rằng hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Mai Ngọc V, sinh ngày 13/6/2006 và Trương Đan H, sinh ngày 05/10/2013. Hiện tại hai cháu đang sinh sống với bà N. Đối với con chung tên Trương Mai Ngọc V đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Đan H, sinh ngày 05/10/2013 và không yêu cầu ông Trương Hoàng C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trương Hoàng C theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Mai Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Hoàng C căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà Mai Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Hoàng C, xác định bà N là nguyên đơn, ông C là bị đơn.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trương Hoàng C vắng mặt không lí do. Căn cứ vào quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N:

Bà N, ông C xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn số 90/05 quyền số 01 ngày 08/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh) nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà N trình bày thời gian đầu khi mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, ông C và bà N nảy sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông C đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông C không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm và tại phiên tòa ông C vắng mặt không lí do thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn. Hơn nữa, bà N kiên quyết ly hôn với ông C. Điều đó chứng tỏ, tình trạng hôn nhân giữa bà Mai Thị N, ông Trương Hoàng C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trương Mai Ngọc V, sinh ngày 13/6/2006 và Trương Đan H, sinh ngày 05/10/2013. Hiện tại hai cháu V và H đang sinh sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Đan H và không yêu cầu ông Trương Hoàng C cấp dưỡng, đối với cháu Trương Mai Ngọc V vì đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C vắng mặt không lí do nên Tòa án căn cứ vào lời khai, chứng cứ của bà Mai Thị N để xác nhận có 02 con chung như bà N trình bày.

Mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông C không đến Tòa án để trình bày ý kiến về con chứng tỏ ông không quan tâm chăm sóc cũng như không có nguyện vọng được nuôi cháu H. Mặc khác, cháu H được bà N nuôi dưỡng cháu phát triển tốt về mặt thể chất, tinh thần. Trong quá trình giải quyết cháu H có vọng được ở với bà N. Bởi các lẽ trên, nhằm tạo điều kiện cho cháu H có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà N không yêu cầu. Cháu Trương Mai Ngọc V vì đã đủ tuổi trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau này, các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị N đối với ông Trương Hoàng C.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Thị N được ly hôn với ông Trương Hoàng C.

[2]. Về con chung: Giao con chung tên Trương Đan H, sinh ngày 05/10/2013 cho bà Mai Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trương Hoàng C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trương Mai Ngọc V, sinh ngày 13/6/2026 đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Mai Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008054 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh. Bà Mai Thị N đã nộp xong án phí.

[5]. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[6]. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hiền